TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 75/2026/HNGĐ-ST Ngày: 29-4-2026 V/v Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thảo Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Lê Duy .

Bà Bùi Thị Hồng Nhớ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Phúc Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2025, về việc "*Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Bảo Y**, sinh năm 1990. (có đơn xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Bảo Y: Luật sư Nguyễn Truyền T – Công ty L thuộc Đoàn luật sư tỉnh V. (có đơn xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Đinh Văn T1**, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2025 và lời khai của bà Lê Bảo Y là nguyên đơn trình bày:

Năm 2010, bà Lê Bảo Y và ông Đinh Văn T1 tự tìm hiểu yêu thương và cùng nhau đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là Xã H, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 09/12/2010. Cuộc sống hôn nhân lúc đầu hạnh phúc, nhưng từ năm 2023 cho đến nay vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không còn quan tâm tôn trọng lẫn nhau, không cùng nhau lo hạnh phúc gia đình và sự nghiệp. Mỗi người một chí hướng cho nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện nay, bà Y không còn tình cảm với ông T1, không thể nào hàn gắn quan hệ hôn nhân nên bà Y yêu cầu được ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Bà Y và ông T1 có hai người con chung tên Đinh Phúc K, sinh ngày 11/11/2011 và Đinh Lê Phúc A, sinh ngày 08/8/2017. Bà Y thống nhất theo nguyện vọng của các con chung. Nếu các con muốn sống chung với ông T1 thì bà Y không cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu các con muốn sống chung với bà Y thì bà Y cũng không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đinh Văn T1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của cháu Đinh Phúc K: Nguyện vọng của cháu là muốn được sống chung với mẹ Lê Bảo Y.

Ý kiến của cháu Đinh Lê Phúc A: Nguyện vọng của cháu là muốn được sống chung với ba Đinh Văn T1.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Bảo Y:

Về hôn nhân: Bà Lê Bảo Y và ông Đinh Văn T1 kết hôn hợp pháp, trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP đề nghị Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Bảo Y.

Về con chung: Hai con chung của bà Y và ông T1 đã có bản khai thể hiện nguyện vọng của các cháu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo nguyện vọng của các cháu sau khi ông T1 và bà Y ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y khai không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án trong thời gian chuẩn bị xét xử; việc tuân theo pháp luật của

Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Bà Lê Bảo Y được ly hôn với ông Đinh Văn T1.

Về con chung: Thống nhất theo nguyện vọng của cháu Đinh Phúc K là muốn được sống chung với bà Lê Bảo Y. Nên giao cháu K cho bà Lê Bảo Y được tiếp tục nuôi dưỡng. Thống nhất theo nguyện vọng của cháu Đinh Lê Phúc A là muốn được sống chung với ông Đinh Văn T1. Nên giao cháu Đinh Lê Phúc A cho ông T1 nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà Lê Bảo Y không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Ông Đinh Văn T1 không có ý kiến gì về việc yêu cầu bà Y phải cấp dưỡng nuôi con. Nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Bảo Y khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Bảo Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Bảo Y yêu cầu được ly hôn với ông Đinh Văn T1 và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con trong vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con". Bị đơn ông Đinh Văn T1 cư trú tại ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Đinh Văn T1, mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không có lý do. Bà Lê Bảo Y có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Lê Bảo Y và ông Đinh Văn T1 là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Bảo Y và ông Đinh Văn T1 qua quá trình tìm hiểu và tiến đến hôn nhân với nhau. Bà Y và ông T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là Xã H, tỉnh Vĩnh Long), theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/12/2010, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông T1 là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống do hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Theo bà Y trình bày, mâu thuẫn chủ yếu dẫn đến bà Y yêu cầu ly hôn với ông T1 là do ông T1 không chăm lo làm ăn, không cùng bà Y lo kinh tế gia đình. Ông T1 biết được việc bà Y yêu cầu ly hôn với ông T1 thông qua việc Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông T1 vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Từ đó cho thấy, ông T1 không có ý chí muốn đoàn tụ cùng với bà Y. Bà Y cũng không còn yêu thương và không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông T1. Điều này minh chứng cho tình trạng hôn nhân giữa bà Y và ông T1 không thể hàn gắn được nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Y yêu cầu ly hôn với ông T1 là có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Bà Y thống nhất theo nguyện vọng của hai con chung Đinh Phúc K và Đinh Lê Phúc A. Căn cứ vào văn bản ghi ý kiến của cháu Đinh Phúc K và cháu Đinh Lê Phúc A. Thể hiện cháu K muốn sống chung với bà Y, còn cháu A có nguyện vọng sống chung với ông T1. Xét thấy, cháu K và cháu A đã trên 07 tuổi. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định "*nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*". Do đó, giao cháu Đinh Phúc K cho bà Y nuôi dưỡng, giao cháu Đinh Lê Phúc A cho ông T1 nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Bảo Y không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Đinh Văn T1 không có ý kiến gì về việc yêu cầu bà Y phải cấp dưỡng nuôi con. Nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Lê Bảo Y khai không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Lê Bải Y1 khai không có, nên không xem xét giải quyết.

[3] Xét lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Lê Bảo Y phải chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Bảo Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Bảo Y được ly hôn với ông Đinh Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Phúc K, sinh ngày 11/11/2011 cho bà Lê Bảo Y được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Giao cháu Đinh Lê Phúc A, sinh ngày 08/8/2017 cho ông Đinh Văn T1 được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Bảo Y không yêu cầu ông Đinh Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Đinh Văn T1 không có ý kiến gì về việc yêu cầu bà Y phải cấp dưỡng nuôi con. Nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung: Bà Lê Bảo Y khai không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Bà Lê Bảo Y khai không có, nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Lê Bảo Y phải chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng. Nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Lê Bảo Y đã đóng theo biên lai thu tiền số 0011161 ngày 03/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà Lê Bảo Y đã nộp đủ tiền án phí, nên bà Y không phải nộp tiếp.

7. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 10 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Ủy ban nhân dân xã Hưng Mỹ, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thảo Nguyên